

Số: 54/2022/QĐST-HNGĐ

Lấp Vò, ngày 13 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 108/2022/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 499, ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Võ Đức T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 499, ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Hồng N và anh Võ Đức T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N và anh Võ Đức T tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Võ Nguyễn Tường V, sinh ngày 11/7/2015 cho chị Nguyễn Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Võ Nguyễn Tường V hiện đang do chị N nuôi dưỡng).

Chị Nguyễn Hồng N không yêu cầu anh Võ Đức T có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu Võ Nguyễn Tường V.

Chị Nguyễn Hồng N và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Võ Đức T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về chia tài sản: Chị Nguyễn Hồng N và anh Võ Đức T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Hồng N và anh Võ Đức T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008694, ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV. Chị N được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã Đ;
- (GCNKH số 185 ngày ĐK 26/11/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân